

**CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM  
(VINAMILK)**

Tên tiếng Anh: VIETNAM DAIRY PRODUCTS JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt là: VINAMILK

Mã chứng khoán (HoSE): VNM

Trụ sở chính: 184 - 186 - 188 Nguyễn Đình Chiểu,  
Phường 06, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (84.8) 3930 0358

Fax: (84.8) 3930 5206

Website: [www.vinamilk.com.vn](http://www.vinamilk.com.vn)

Giấy phép đăng ký kinh doanh: Số 4103001932 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh ngày 20 tháng 11 năm 2003 cấp.

Công ty kiểm toán: Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)



Công ty TNHH PriceWaterhouseCoopers (Việt Nam)

Tầng 4, Tòa nhà Saigon Tower, 29 Lê Duẩn, Quận 1  
TP. HCM, Việt Nam

Điện thoại: (84-8) 823 0796

Fax: (84-8) 825 1947

**Hội đồng Quản trị**

Bà Mai Kiều Liên

Chủ tịch

Ông Hoàng Nguyên Hộc

Thành viên

Bà Ngô Thị Thu Trang

Thành viên

Ông Dominic Scriven

Thành viên

Ông Wang Eng Chin

Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Bà Mai Kiều Liên

Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Thị Thanh Hòa

P. Tổng Giám đốc

Bà Ngô Thị Thu Trang

P. Tổng Giám đốc

Ông Trần Bảo Minh

P. Tổng Giám đốc

Ông Trần Minh Văn

P. Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Thị Như Hằng

P. Tổng Giám đốc

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam ("Công ty") và các công ty con (Công ty và các công ty con gọi chung là "Tập đoàn") tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và của riêng Công ty cho niên độ kết thúc vào ngày nêu trên, và bảng tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu cùng các thuyết minh.

- Chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng chúng một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và ước lượng một cách hợp lý và thận trọng; và
- Soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở doanh nghiệp hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho là Công ty và các công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Chúng tôi, Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các số sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn và của riêng Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng của Công ty tuân thủ theo chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh số 2 của các báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các sai qui định khác.

### PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng của Công ty đính kèm từ trang 5 đến trang 45. Các báo cáo tài chính này trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và của riêng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn và của riêng Công ty cho niên độ kết thúc ở ngày đó phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành tại nước CHXHCN Việt Nam.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Mai Kiều Liên  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam  
Ngày 23 tháng 3 năm 2009

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Gửi các cổ đông của Công ty cổ phần sữa Việt nam

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") và báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam ("Công ty") gồm: bảng cân đối kế toán hợp nhất và của riêng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và của riêng Công ty cho niên độ kết thúc vào ngày nêu trên, và bảng tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu cùng các thuyết minh.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các qui định hiện hành tại nước CHXHCN Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính để các báo cáo tài chính không bị sai phạm trọng yếu do gian lận hoặc sai sót; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này căn cứ vào việc kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực đó yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các tiêu chí đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng liệu các báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng của Công ty có sai phạm trọng yếu hay không.

Cuộc kiểm toán bao hàm việc thực hiện các thủ tục kiểm toán nhằm thu được các bằng chứng về các số liệu và thuyết minh trong các báo cáo tài chính. Những thủ tục kiểm toán được chọn lựa phụ thuộc vào phán đoán của kiểm toán viên, bao gồm cả việc đánh giá các rủi ro của các báo cáo tài chính xem có sai phạm trọng yếu do gian lận hoặc sai sót hay không. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro đó, kiểm toán viên xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc đơn vị soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính để thiết lập các thủ tục kiểm toán thích hợp cho từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán mà Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện, cũng như đánh giá cách trình bày tổng thể các báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng mà chúng tôi thu được đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**  
Gửi các cổ đông của Công ty cổ phần sữa Việt nam

**Ý kiến**

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên mọi phương diện trọng yếu, các báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 cũng như kết quả kinh doanh và các dòng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và của Công ty cho niên độ kết thúc vào ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành tại nước CHXHCN Việt Nam.



*Mankin*

Quách Thành Châu  
AC No. N.0875/KTV  
Chữ ký được ủy quyền

Lê Văn Hòa  
Số chứng chỉ KTV: 0248/KTV

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)  
TP Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam  
Báo cáo kiểm toán số HCM2171  
Ngày 23 tháng 3 năm 2009

Nhu đã nêu trong thuyết minh 2.1 cho các báo cáo tài chính, các báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng kèm theo là không nhằm thể hiện tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và cách thức hành kế toán Việt Nam.

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và năm 2007

Mẫu số B 01 – DN/HN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Hợp nhất		Công ty	
			2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		3.187.605	3.177.727	3.160.210	3.163.757
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	338.654	117.819	329.545	113.527
111	Tiền		132.977	117.519	124.288	113.227
112	Các khoản tương đương tiền		205.677	300	205.257	300
120	Các khoản đầu tư ngắn hạn	4(a)	374.002	654.485	374.002	654.485
121	Đầu tư ngắn hạn		496.998	654.660	496.998	654.660
129	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(122.996)	(175)	(122.996)	(175)
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		646.385	654.720	648.727	661.208
131	Phải thu khách hàng		530.149	505.234	530.134	511.772
132	Trả trước cho người bán		75.460	79.847	75.318	79.804
135	Các khoản phải thu khác	5	40.923	70.390	43.408	70.383
139	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(147)	(751)	(133)	(751)
140	Hàng tồn kho	6	1.775.342	1.675.164	1.755.360	1.659.390
141	Hàng tồn kho		1.789.646	1.686.793	1.767.373	1.671.019
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(14.304)	(11.629)	(12.013)	(11.629)
150	Tài sản ngắn hạn khác		53.222	75.539	52.576	75.147
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		31.460	14.282	31.118	13.943
152	Thuế GTGT được khấu trừ		19.196	33.401	19.181	33.401
154	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		-	23.808	-	23.808
158	Tài sản ngắn hạn khác		2.566	4.048	2.277	3.995

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 45 là một bộ phận không thể tách rời các báo cáo tài chính này.

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và năm 2007 (tiếp theo)

Mẫu số B 01 – DN/HN

Mã số	TÀI SẢN (tiếp theo)	Hợp nhất		Công ty	
		Thuyết minh	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng	2008 Triệu đồng
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		2.779.354	2.247.390	2.724.886
210	Các khoản phải thu dài hạn		475	762	28.606
218	Phải thu dài hạn khác		475	762	28.606
220	Tài sản cố định		1.936.923	1.641.669	1.804.745
221	Tài sản cố định hữu hình	7(a)	1.529.187	1.022.646	1.413.526
222	Nguyên giá		2.618.638	1.963.835	2.479.273
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.089.451)	(941.189)	(1.065.747)
227	Tài sản cố định vô hình	7(b)	50.868	20.715	35.017
228	Nguyên giá		79.416	38.771	63.565
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(28.548)	(18.056)	(28.548)
230	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	7(c)	356.868	598.308	356.202
240	Bất động sản	8	27.489	-	-
241	Nguyên giá		27.489	-	-
245	Giá trị hao mòn lũy kế		-	-	-
250	Các khoản đầu tư dài hạn		570.657	401.018	647.899
251	Đầu tư vào công ty con	4(b)	-	-	135.694
252	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	4(c)	23.702	78.189	131.749
258	Đầu tư dài hạn khác	4(d)	546.955	322.829	495.807
259	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		-	-	(115.351)
260	Tài sản dài hạn khác		243.810	203.941	243.636
261	Chi phí trả trước dài hạn	9	195.512	195.613	195.338
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	15	47.276	8.017	47.276
268	Tài sản dài hạn khác		1.022	311	1.022
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		5.966.959	5.425.117	5.885.096
					5.361.044

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và năm 2007 (tiếp theo)

Mẫu số B 01 – DN/HN

Mã số	NGUỒN VỐN	Hợp nhất		Công ty	
		Thuyết minh	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng	2008 Triệu đồng
300	NỢ PHẢI TRẢ		1.154.432	1.073.230	1.121.759
310	Nợ ngắn hạn		972.502	933.357	939.887
311	Vay và nợ ngắn hạn		188.222	9.963	188.222
312	Phải trả người bán		492.556	621.376	491.912
313	Người mua trả tiền trước		5.917	5.717	5.915
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	64.187	35.331	64.153
315	Phải trả người lao động		3.104	426	3.044
316	Chi phí phải trả	12	144.052	132.466	143.655
319	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	13	74.464	128.078	42.986
330	Nợ dài hạn		181.930	139.873	181.872
331	Phải trả người bán dài hạn		93.612	81.002	93.612
333	Phải trả dài hạn khác	14	30.000	-	30.000
334	Vay và nợ dài hạn	10	22.418	32.381	22.418
336	Dự phòng trợ cấp mất việc làm		35.900	26.490	35.842
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		4.761.913	4.315.937	4.763.337
410	Vốn chủ sở hữu		4.665.715	4.224.315	4.667.139
411	Vốn góp của chủ sở hữu		1.752.757	1.752.757	1.752.757
412	Thặng dư vốn cổ phần		1.064.948	1.064.948	1.064.948
417	Quỹ đầu tư phát triển		869.697	744.540	869.697
418	Quỹ dự phòng tài chính		175.276	136.313	175.276
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	17	803.037	525.757	804.461
430	Nguồn kinh phí và quỹ khác		96.198	91.622	96.198
431	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		96.198	91.622	96.198
500	Lợi ích của cổ đông thiểu số	2.4	50.614	35.950	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		5.966.959	5.425.117	5.885.096
					5.361.044

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 45 là một bộ phận không thể tách rời các báo cáo tài chính này.

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 45 là một bộ phận không thể tách rời các báo cáo tài chính này.

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và năm 2007

Mẫu số B 01 – DN/HN

	Hợp nhất		Công ty	
	2008	2007	2008	2007
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công (Triệu đồng)	236	4.851	236	4.581
Nợ khó đòi đã xử lý (Triệu đồng)	967	18.508	967	18.508
Ngoại tệ các loại:				
USD	1.896.238	315.236	1.896.238	315.236
EUR	3.843	33.257	3.843	33.257



Mai Kiều Liên  
Tổng Giám đốc  
Ngày 23 tháng 3 năm 2009

Lê Thành Liêm  
Kế toán trưởng

## KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 và năm 2007

Mẫu số B 02 – DN/HN

Mã số	Thuyết minh	Hợp nhất		Công ty	
		2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	8.380.563	6.675.244	8.407.174	6.676.264
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	(171.581)	(137.280)	(171.581)	(137.280)
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	8.208.982	6.537.964	8.235.593	6.538.984
11	Giá vốn hàng bán	21	(5.610.969)	(4.836.283)	(5.640.664)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.598.013	1.701.681	2.594.929	1.701.722
21	Doanh thu hoạt động tài chính	20(b)	264.810	257.865	263.801
22	Chi phí tài chính	22	(197.621)	(25.862)	(273.205)
24	Chi phí bán hàng	23	(1.052.308)	(864.363)	(1.052.303)
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(297.804)	(204.192)	(290.905)
30	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.315.090	865.129	1.242.317	833.658
40	Thu nhập khác	25	130.173	120.790	131.852
50	Phản lô trong liên doanh	(73.950)	(30.538)	-	-
60	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.371.313	955.381	1.374.169	955.431
61	Chi phí thuế TNDN hiện hành	26(b)	(161.874)	-	(161.874)
62	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	26(b)	39.259	8.017	39.259
63	Lợi ích của cổ đông thiểu số	2.4	1.422	50	-
70	Lợi nhuận sau thuế TNDN	1.250.120	963.448	1.251.554	963.448
		VND	VND	VND	VND
80	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	19	7.132	5.607	7.140
		VND	VND	VND	VND



Lê Thành Liêm  
Kế toán trưởng

Mai Kiều Liên  
Tổng Giám đốc  
Ngày 23 tháng 3 năm 2009

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 45 là một bộ phận không thể tách rời các báo cáo tài chính này.

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 45 là một bộ phận không thể tách rời các báo cáo tài chính này.

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 và năm 2007

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mẫu số B 03 – DN/HN

Mã số	Thuyết minh	Hợp nhất		Công ty	
		2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>					
01	Lợi nhuận trước thuế	1.371.313	955.381	1.374.169	955.431
	Điều chỉnh cho các khoản:				
02	Khấu hao tài sản cố định	178.430	130.772	163.647	120.918
03	Các khoản dự phòng	124.892	42.696	194.320	46.907
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	(5.704)	(17)	(5.704)	(17)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(26.175)	(101.361)	(93.254)	(102.144)
06	Chi phí lãi vay	26.971	11.667	25.512	11.667
08	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>1.669.727</b>	<b>1.039.138</b>	<b>1.658.690</b>	<b>1.032.762</b>
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu	13.354	(216.909)	17.752	(216.777)
10	Tăng hàng tồn kho	(112.069)	(725.346)	(98.480)	(714.964)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả	(105.919)	411.751	(110.899)	377.195
12	Tăng chi phí trả trước	(17.077)	(69.830)	(16.900)	(69.588)
13	Tiền lãi vay đã trả	(25.957)	(50.571)	(24.498)	(50.571)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(101.861)	-	(101.861)	-
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	53.507	78.502	53.508	81.924
16	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(103.946)	(153.257)	(103.947)	(153.194)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>1.269.759</b>	<b>313.478</b>	<b>1.273.365</b>	<b>286.787</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>					
21	Tiền chi để mua, xây dựng TSCĐ	(445.062)	(743.965)	(412.995)	(662.142)
22	Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và tài sản dài hạn khác	4.217	2.305	544	1.364
23	Tiền chi cho hoạt động đầu tư chứng khoán	-	(487.475)	-	(435.877)
24	Tiền thu hồi bán lại chứng khoán đầu tư và trái phiếu	3.010	77.964	3.010	77.964
25	Khoản vay cấp cho liên doanh và công ty con	-	(80.926)	-	(109.057)
26	(Tăng)/giảm khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	(50.191)	115.443	(50.191)	114.993
27	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(134.152)	(4.650)	(169.952)	(50.150)
28	Vốn góp nhận từ các cổ đông thiểu số của công ty con	20	-	-	-
29	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	90.373	105.326	89.376	105.326
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>(531.785)</b>	<b>(1.015.978)</b>	<b>(540.208)</b>	<b>(957.579)</b>

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 45 là một bộ phận không thể tách rời các báo cáo tài chính này.

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 và năm 2007

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mẫu số B 03 – DN/HN

Mã số	Thuyết minh	Hợp nhất		Công ty	
		2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>					
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	-		1.219.477	-
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	173.547		360.000	173.547
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(9.963)		(377.883)	(9.963)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(680.733)		(538.181)	(680.733)
40	<b>Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>(517.149)</b>	<b>663.413</b>	<b>(517.149)</b>	<b>627.413</b>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	220.825		(39.087)	216.008
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	3		117.819	156.895
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	10		11	10
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3		338.654	117.819

Lê Thành Liêm  
Kế toán trưởng



Mai Kiêu Liên  
Tổng Giám đốc  
Ngày 23 tháng 3 năm 2009

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 45 là một bộ phận không thể tách rời các báo cáo tài chính này.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Mẫu số B 09 – DN/HN

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam ("Công ty" hoặc "Vinamilk") được thành lập ban đầu theo Quyết định số 420/CNN/TCLD ngày 29 tháng 4 năm 1993 theo loại hình doanh nghiệp Nhà nước. Ngày 1 tháng 10 năm 2003, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 155/2003/QĐ-BCN của Bộ Công nghiệp. Ngày 20 tháng 11 năm 2003, Công ty đăng ký trở thành một công ty cổ phần hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy phép Đăng ký Kinh doanh số 4103001932 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Ngày 19 tháng 1 năm 2006, cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên thị trường chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy phép Niêm yết số 42/UBCK-GPNY do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28 tháng 12 năm 2005.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, Công ty có 4 công ty con:

Tên công ty con	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn do Công ty nắm giữ
Công ty TNHH MTV Bò Sữa Việt Nam	Sản xuất sữa	100%
Công ty Cổ phần Sữa Lam Sơn	Sản xuất sữa	55%
Công ty TNHH MTV Đầu tư Bất động sản Quốc tế	Kinh doanh bất động sản	100%
Công ty Cổ phần Bất động sản Chiến Thắng – Việt Nam (*)	Kinh doanh bất động sản	64,25%

(\*) Công ty TNHH MTV Đầu tư Bất động sản Quốc tế nắm giữ 64,25% tại Công ty Cổ phần Bất động sản Chiến Thắng – Việt Nam, là doanh nghiệp 100% sở hữu bởi Vinamilk.

Hoạt động chủ yếu của Công ty và các công ty con bao gồm:

- Sản xuất và kinh doanh bánh, sữa đậu nành, sữa tươi, nước giải khát, sữa hộp, sữa bột, bột dinh dưỡng và các sản phẩm từ sữa khác;
- Kinh doanh thực phẩm công nghệ, thiết bị phụ tùng, vật tư, hóa chất, nguyên liệu;
- Kinh doanh nhà, môi giới, cho thuê bất động sản;
- Kinh doanh kho, bến bãi, kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô và bốc xếp hàng hóa;
- Sản xuất, mua bán rượu, bia, đồ uống, thực phẩm chế biến, chè uống, cà phê rang-xay-phin-hòa tan;
- Sản xuất và mua bán bao bì, in trên bao bì;
- Sản xuất, mua bán sản phẩm nhựa;
- Phòng khám đa khoa;
- Chăn nuôi và trồng trọt;
- Các hoạt động hỗ trợ trồng trọt như: cung cấp cây trồng, hướng dẫn kỹ thuật trồng trọt, thu hoạch cây trồng, làm đất, tưới tiêu;
- Chăn nuôi: cung cấp giống vật nuôi, kỹ thuật nuôi;
- Dịch vụ sau thu hoạch;
- Xử lý hạt giống để nhân giống.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, tổng số nhân viên của Công ty và của Tập đoàn lần lượt là 4.275 và 4.532 (2007: số nhân viên lần lượt là 3.868 và 4.106).

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Mẫu số B 09 – DN/HN

### 2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 2.1 Cơ sở của việc soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng

Các báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành tại nước CHXHCN Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng được soạn thảo dựa theo qui ước giá gốc.

Các báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thực hành kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam. Các nguyên tắc và thực hành kế toán sử dụng tại nước CHXHCN Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

#### 2.2 Sử dụng các ước tính kế toán

Việc soạn lập báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam đòi hỏi Ban Tổng Giám đốc phải đưa ra các ước tính và giả thiết có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày lập các báo cáo tài chính cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho niên độ đang báo cáo. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính.

#### 2.3 Niên độ kế toán

Nhiên độ kế toán của Công ty và các công ty con bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

#### 2.4 Hợp nhất báo cáo

Năm 2008, Công ty soạn lập báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 25 – Báo cáo tài chính hợp nhất và Kế toán các khoản đầu tư vào công ty con.

#### Công ty con

Công ty con là những doanh nghiệp mà Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Tập đoàn có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Tập đoàn. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

Phương pháp kế toán mua được Tập đoàn sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông thiểu số. Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần nhỏ hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Mẫu số B 09 – DN/HN

### 2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

#### 2.4 Hợp nhất báo cáo (tiếp theo)

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi hợp nhất. Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Tập đoàn áp dụng.

#### Nghiệp vụ và lợi ích của cổ đông thiểu số.

Tập đoàn áp dụng chính sách cho các nghiệp vụ đối với cổ đông thiểu số giống như nghiệp vụ với các bên không thuộc Tập đoàn. Khoản lãi hoặc lỗ từ việc bán bớt cổ phần cho cổ đông thiểu số được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Việc mua cổ phần từ cổ đông thiểu số sẽ tạo ra lợi thế thương mại, là sự chênh lệch giữa khoản tiền thanh toán và phần giá trị tài sản thuần thể hiện trên sổ sách của công ty con.

#### Liên doanh và các bên liên kết

Liên doanh là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế, mà hoạt động này được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn liên doanh. Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Các khoản đầu tư vào liên doanh và các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Khoản đầu tư của Tập đoàn vào liên doanh và công ty liên kết bao gồm lợi thế thương mại phát sinh khi đầu tư, trừ đi những khoản giảm giá tài sản lũy kế.

Lợi nhuận của Tập đoàn được chia sau khi đầu tư vào liên doanh liên kết sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, và phần chia của biến động trong các quỹ dự trữ sau khi đầu tư vào liên doanh liên kết sẽ được ghi nhận vào quỹ dự trữ hợp nhất. Các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư vào liên doanh liên kết được điều chỉnh vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Khi phần lỗ trong liên doanh liên kết bằng hoặc vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong liên doanh liên kết, Tập đoàn sẽ không ghi nhận khoản lỗ vượt đó trừ khi đã phát sinh nghĩa vụ hoặc đã thanh toán hộ cho liên doanh, liên kết.

Các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ giữa Tập đoàn với các bên liên doanh, liên kết sẽ được loại trừ với mức tương ứng với phần lợi ích của Tập đoàn trong các bên liên doanh, liên kết. Các chính sách kế toán của các bên liên doanh, liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán mà Tập đoàn áp dụng.

#### 2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam. Các báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng được thể hiện theo đơn vị triệu đồng Việt Nam.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Mẫu số B 09 – DN/HN

phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng áp dụng tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### 2.6 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty và các công ty con sử dụng hình thức chứng từ ghi sổ để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

#### 2.7 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn dài hơn ban đầu không quá ba tháng.

#### 2.8 Vốn cổ phần và cổ phiếu quỹ

Vốn chủ sở hữu bao gồm các cổ phần được phát hành. Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành thêm cổ phần hoặc quyền chọn được trừ vào số tiền thu được do bán cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu của Công ty đã phát hành và được Công ty hoặc công ty con mua lại. Khoản tiền đã trả để mua cổ phiếu, bao gồm các chi phí có liên quan trực tiếp, được trừ vào vốn chủ sở hữu đến khi các cổ phiếu quỹ được hủy bỏ hoặc được tái phát hành. Số tiền thu do tái phát hành hoặc bán cổ phiếu quỹ trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc tái phát hành hay bán cổ phiếu quỹ được tính vào phần vốn chủ sở hữu.

#### 2.9 Khoản phải thu khách hàng

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị của hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên cơ sở xem xét của ban giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

#### 2.10 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn khi so giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định theo cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên các cấp độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá mà theo đó hàng tồn kho có thể được bán trong chu kỳ kinh doanh bình thường trừ đi số ước tính về chi phí hoàn tất và chi phí bán hàng. Khi cần thiết thì dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và khiếm khuyết.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Mẫu số B 09 – DN/HN

### 2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

#### 2.11 Các khoản đầu tư

##### (a) Đầu tư ngắn hạn

Đầu tư ngắn hạn là các khoản đầu tư có thời hạn đáo hạn không quá 12 tháng kể từ ngày của bảng cân đối kế toán và các khoản đầu tư được giữ lại với ý định để bán trong vòng 12 tháng tại ngày của bảng cân đối kế toán. Đầu tư ngắn hạn được hạch toán ban đầu theo giá gốc. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn được lập khi giá gốc của các chứng khoán cao hơn giá trị hợp lý.

##### (b) Đầu tư vào các công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con được trình bày theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá trong báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ.

##### (c) Đầu tư vào các công ty liên doanh và liên kết

Đầu tư vào các công ty liên doanh và liên kết được trình bày theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá trong báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, và theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất.

##### (d) Đầu tư tài chính dài hạn

- (i). Tiền gửi ngân hàng dài hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng tính từ ngày của bảng cân đối kế toán và được hạch toán theo giá gốc.
- (ii). Đầu tư trái phiếu được phân loại là đầu tư dài hạn với ý định không bán lại trong vòng 12 tháng tính từ ngày của bảng cân đối kế toán. Đầu tư trái phiếu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó trái phiếu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi khoản dự phòng giảm giá. Dự phòng được lập khi có bằng chứng giảm giá dài hạn của chứng khoán hoặc trong trường hợp Tập đoàn không thể thu hồi khoản đầu tư.
- (iii). Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư với tỷ lệ nắm giữ dưới 20% tại các đơn vị đã niêm yết hoặc chưa niêm yết mà không dự tính bán trong vòng 12 tháng kể từ ngày của bảng cân đối kế toán. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Dự phòng giảm giá được lập khi có sự giảm sút giá trị của các khoản đầu tư này.

#### 2.12 Tài sản cố định

##### Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc thu đắc tài sản cố định.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Mẫu số B 09 – DN/HN

##### Khấu hao

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, để trừ dần nguyên giá tài sản xuống giá trị còn lại có thể thu hồi, qua suốt thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	Năm
Nhà và vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc và thiết bị	10
Gia súc	6
Phương tiện vận tải	10
Thiết bị văn phòng	3 - 8
Phần mềm	2 - 3

Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng phù hợp với thời hạn của Giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất vô thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao.

##### Các chi phí phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu

Các chi phí phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tập đoàn và chi phí đó được xác định một cách đáng tin cậy. Tất cả các chi phí sửa chữa và bảo trì khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh khi phát sinh.

##### Thanh lý

Lãi và lỗ do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả kinh doanh.

#### 2.13 Thuê tài sản cố định

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

#### 2.14 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, hoặc một phần của nhà hay cả nhà và đất, cơ sở hạ tầng mà Tập đoàn nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá mà không phải dùng trong sản xuất, cung cấp hàng hóa hay dịch vụ, dùng cho các mục đích quản lý hoặc bán trong kỳ sản xuất kinh doanh thông thường.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Mẫu số B 09 – DN/HN

## 2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

### 2.14 Bất động sản đầu tư (tiếp theo)

#### Khấu hao

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính. Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất vô thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao.

#### Thanh lý

Lãi và lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### 2.15 Chi phí vay

Chi phí vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong khoảng thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Chi phí vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

### 2.16 Ghi nhận doanh thu

#### (a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn những rủi ro và lợi ích về quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trạng yếu về khả năng thu về các khoản tiền bán hàng hoặc có khả năng hàng bị trả lại.

#### (b) Doanh thu gia công

Doanh thu hoạt động gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi hàng hóa đã được gia công và đã được bên chủ hàng chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trạng yếu về khả năng thu về các khoản tiền gia công.

#### (c) Doanh thu dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp.

#### (d) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

#### (e) Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận trong kỳ kế toán khi bên được đầu tư công bố chia cổ tức.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Mẫu số B 09 – DN/HN

### 2.17 Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, cho sự chênh lệch tạm thời giữa giá trị tính thuế của tài sản và nợ phải trả với giá trị sổ sách ghi trên báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại không được tính khi nó phát sinh từ sự ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch không phải là giao dịch sát nhập doanh nghiệp, mà giao dịch đó không có ảnh hưởng đến lợi nhuận/lỗ kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được bán đi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận tới chừng mức có thể sử dụng được những chênh lệch tạm thời để tính vào lợi nhuận chịu thuế có thể có được trong tương lai.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan tới các khoản chuyển lỗ tính thuế được ghi nhận tới chừng mức mà khả năng thực hiện được các lợi ích về thuế đối với lợi nhuận chịu thuế trong tương lai là khả thi.

### 2.18 Chia cổ tức

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức giữa kỳ được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Số cổ tức cuối kỳ được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông trong Đại hội thường niên.

### 2.19 Phương pháp trích lập các quỹ dự trữ

Các quỹ được trích lập dựa theo Điều lệ của Công ty như sau:

Quỹ đầu tư phát triển	10% lợi nhuận sau thuế
Quỹ phúc lợi, khen thưởng	10% lợi nhuận sau thuế
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế

Công ty ngưng trích lập quỹ dự phòng tài chính khi số tiền trong quỹ đạt 10% trên vốn điều lệ. Việc sử dụng các quỹ nói trên phải được sự phê duyệt của Đại hội Cổ đông, Hội đồng Quản trị hoặc Tổng Giám đốc tùy thuộc vào bản chất của nghiệp vụ đã được nêu trong điều lệ và quy chế quản lý tài chính của Công ty.

### 2.20 Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên tham cặn trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Mẫu số B 09 – DN/HN

**2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

**2.20 Các bên liên quan (tiếp theo)**

Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước hiện nắm giữ số cổ phần lớn nhất trong Công ty và do đó được xem là một bên liên quan. Tuy nhiên, những doanh nghiệp chịu sự kiểm soát hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước thì không được xem là các bên liên quan với Công ty cho mục đích công bố thông tin, bởi vì các doanh nghiệp này không gây ảnh hưởng đối với Công ty hoặc không chịu ảnh hưởng từ Công ty.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

**2.21 Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty có một nghĩa vụ - pháp lý hoặc liên đới- hiện tại phát sinh từ các sự kiện đã qua; có thể đưa đến sự giảm sút những lợi ích kinh tế cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ; giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Khi có nhiều nghĩa vụ nợ tương tự nhau thì khả năng giảm sút lợi ích kinh tế do việc thanh toán nghĩa vụ nợ được xác định thông qua việc xem xét toàn bộ nhóm nghĩa vụ nói chung. Dự phòng cũng được ghi nhận cho dù khả năng giảm sút lợi ích kinh tế do việc thanh toán từng nghĩa vụ nợ là rất nhỏ.

Dự phòng được tính theo các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu yếu tố thời giá của tiền tệ là quan trọng thì dự phòng được tính ở giá trị hiện tại với suất chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá theo thị trường hiện tại về thời giá của tiền tệ và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

**2.22 Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Theo Luật Lao động Việt Nam người lao động của Công ty được hưởng khoản trợ cấp thôi việc căn cứ vào số năm làm việc. Khoản trợ cấp này được trả một lần khi người lao động thôi làm việc cho Công ty. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở ước tính số tiền phải trả khi chấm dứt hợp đồng lao động căn cứ vào khoảng thời gian làm việc cho Công ty tính đến ngày lập bảng cân đối kế toán. Khoản dự phòng được tính bằng nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc của người lao động tại Tập đoàn, dựa trên mức lương tại thời điểm lập báo cáo.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Mẫu số B 09 – DN/HN

**3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Consolidated		Company	
	2008 Million VND	2007 Million VND	2008 Million VND	2007 Million VND
Cash on hand	648	1,065	544	1,050
Cash at bank	130,544	109,560	121,959	105,283
Cash in transit	1,785	6,894	1,785	6,894
Cash equivalents	205,677	300	205,257	300
	338,654	117,819	329,545	113,527

**4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ**

**(a) Các khoản đầu tư ngắn hạn**

	Hợp nhất		Công ty	
	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng
Tiền gửi ngắn hạn	106.396	5.400	106.396	5.400
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(i)	180.229	436.453	180.229
Trái phiếu		2.405	15.410	2.405
Cho công ty liên doanh vay	(ii)	207.968	197.397	207.968
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	(iii)	(122.996)	(175)	(122.996)
		374.002	654.485	374.002
				654.485

(i). Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn bao gồm các loại chứng khoán của các công ty đã niêm yết và chưa niêm yết và của quỹ đầu tư.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Mẫu số B 09 – DN/HN

**4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)**

**(a) Các khoản đầu tư ngắn hạn (tiếp theo)**

Biến động của đầu tư chứng khoán ngắn hạn:

	Hợp nhất		Công ty	
	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng
Số dư đầu năm	436.453	191.959	436.453	191.959
Mua trong năm	1.460	319.985	1.460	319.985
Nhận cổ tức bằng cổ phiếu	5.205	1.075	5.205	1.075
Trái phiếu chuyển đổi	2.400	-	2.400	-
Phân loại sang đầu tư dài hạn	(154.846)	-	(154.846)	-
Bán trong năm	(110.443)	(76.566)	(110.443)	(76.566)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>180.229</b>	<b>436.453</b>	<b>180.229</b>	<b>436.453</b>

- (ii). Khoản vay không tính lãi 12,25 triệu đô la Mỹ (tương đương 207.968 triệu đồng) cho Công ty Liên doanh SABMiller Việt Nam ("SABMiller") được gia hạn thêm 12 tháng cho tới ngày 21 tháng 12 năm 2009.
- (iii). Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn được lập để phản ánh sự giảm giá chứng khoán trên thị trường tại ngày của bảng cân đối kế toán.

**(b) Đầu tư vào các công ty con – trên báo cáo tài chính riêng của Công ty**

	Giá vốn đầu tư được ghi nhận trong báo cáo công ty mẹ		Vốn sở hữu nắm giữ bởi công ty mẹ	
	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng	2008 % %	2007 % %
Công ty TNHH Một Thành viên Bò sữa Việt Nam	60.894	55.894	100	100
Công ty Cổ phần Sữa Lam Sơn	44.000	44.000	55	55
Công ty TNHH Một Thành viên Đầu tư Bất động sản Quốc tế	30.800	-	100	100
	135.694	99.894		
Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con	(7.303)	(4.210)		
	128.391	95.684		

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Mẫu số B 09 – DN/HN

**(c) Đầu tư vào các công ty liên kết, liên doanh**

Hợp nhất	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng
Số dư đầu năm	78.189	122.701
Tăng khoản đầu tư	14.152	4.650
Phản lỗ trong liên doanh	(68.639)	(30.538)
Bán phần vốn góp trong liên doanh	-	(18.624)
Số dư cuối năm	23.702	78.189

Các khoản đầu tư trong liên doanh, tất cả đều chưa niêm yết, như sau:

Hợp nhất	Công ty	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng
Công ty Liên doanh SABMiller Việt Nam (i)	-	68.639	108.047	108.047	108.047
Căn hộ Horizon – Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh Dự án (ii)	7.493	7.493	7.493	7.493	7.493
Dự án phát triển nguồn nguyên liệu sữa tại Việt Nam (iii)	7.209	2.057	7.209	2.057	
Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn (iv)	9.000	-	9.000	-	
		23.702	78.189	131.749	117.597
Dự phòng giảm giá đầu tư trong liên doanh	-	-	(108.047)	(39.408)	
		23.702	78.189	23.702	78.189

- (i). Công ty Liên doanh SABMiller Việt Nam ("SABMiller")

Công ty sở hữu 50% phần vốn pháp định của liên doanh SABMiller có vốn pháp định là 13,5 triệu đô la Mỹ chuyên sản xuất các loại bia. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, Công ty đã đầu tư vào liên doanh này 6,75 triệu đô la Mỹ (tương đương 108.047 triệu đồng qui đổi theo tỷ giá tại thời điểm góp vốn). Sau ngày cuối năm, Công ty đã ký một hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ vốn góp trong liên doanh này cho đối tác liên doanh (xem Thuyết minh 33).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Mẫu số B 09 – DN/HN

**4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)**

**(c) Đầu tư vào các công ty liên kết, liên doanh (tiếp theo)**

(ii). Dự án Căn hộ Horizon – Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh

Vào ngày 7 tháng 6 năm 2004, Công ty ký hợp đồng hợp tác kinh doanh với Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 ("FICO") và Công ty Cổ phần Tài trợ Địa ốc R.C ("Refico") cho việc xây dựng, quản lý, tiếp thị và điều hành dự án căn hộ Horizon Tower với tổng số vốn đầu tư dự kiến là 285.000 triệu đồng. Tỷ lệ góp vốn của Công ty trong dự án này là 24,5%.

(iii). Dự án phát triển nguồn nguyên liệu sữa tại Việt Nam

Vào ngày 1 tháng 1 năm 2006, Công ty ký liên doanh vào một dự án với tên gọi Dự án phát triển nguồn nguyên liệu sữa tại Việt Nam ("Dự án"). Dự án có tổng ngân sách là 1,5 triệu Euro, một nửa số ngân sách này được tài trợ bởi Chính phủ Hà Lan và phần còn lại được góp đều bởi Công ty và Campina International BV. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, Công ty đã góp đủ vào Dự án với số tiền là 375,000 Euro (tương đương với 7.209 triệu đồng qui đổi theo tỷ giá tại thời điểm góp vốn).

(iv). Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn

Công ty sở hữu 20% cổ phần trong Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn và là một trong những cổ đông sáng lập của công ty này với vốn điều lệ là 45 tỷ đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, công ty này đang trong giai đoạn xây dựng.

**(d) Các khoản đầu tư dài hạn khác**

	(i)	Hợp nhất		Công ty	
		2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng
Tiền gửi dài hạn	(i)	-	50.000	-	50.000
Trái phiếu		3.240	5.645	3.240	5.645
Các khoản đầu tư dài hạn khác	(ii)	543.715	267.184	492.567	216.036
		546.955	322.829	495.807	271.681

- (i). Tiền gửi ngân hàng dài hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn ban đầu dài hơn 3 tháng và có ngày đáo hạn quá 12 tháng tính từ ngày của bảng cân đối kế toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Mẫu số B 09 – DN/HN

- (ii). Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm đầu tư vào vốn của các công ty niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán và của quỹ đầu tư. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Biến động của đầu tư dài hạn khác:

	Hợp nhất		Công ty	
	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng
Số dư đầu năm	267.184	110.150	216.036	110.150
Mua trong năm (*)	120.000	157.034	120.000	105.886
Nhận cổ tức bằng cổ phiếu	1.685	-	1.685	-
Phân loại từ đầu tư ngắn hạn	154.846	-	154.846	-
Số dư cuối năm	543.715	267.184	492.567	216.036

(\*) Trong năm Công ty có đầu tư vào một ngân hàng Việt Nam, ngân hàng này đã được cấp giấy phép thành lập nhưng chưa đi vào hoạt động tại ngày 31 tháng 12 năm 2008.

**5. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	Hợp nhất		Công ty	
	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng
Tạm ứng mua cổ phiếu của Công ty	-	24.322	-	24.322
Khoản phải thu từ việc chuyển nhượng lợi ích trong liên doanh	-	18.624	-	18.624
Cho công ty con vay (*)	-	-	2.500	-
Lãi tiền gửi	20.403	8.577	20.391	8.577
Phải thu khác	20.520	18.867	20.517	18.860
	40.923	70.390	43.408	70.383

(\*) Khoản cho Công ty Cổ phần Sữa Lam Sơn vay - một trong những công ty con của Vinamilk - là không tính lãi và phải hoàn trả trong vòng 12 tháng kể từ ngày 10 tháng 1 năm 2008. Khoản vay này chưa được hoàn trả vào ngày đáo hạn mà được gia hạn thêm 12 tháng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Mẫu số B 09 – DN/HN

**6. HÀNG TỒN KHO**

	Hợp nhất		Công ty	
	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng
Hàng mua đang đi trên đường	219.523	357.960	219.323	357.960
Nguyên vật liệu tồn kho	1.231.151	1.013.210	1.220.193	1.006.596
Công cụ, dụng cụ trong kho	5.757	1.838	5.370	1.411
Hàng hóa	10.710	7.967	10.710	7.967
Chi phí SXKD dở dang	104.992	86.823	95.902	80.275
Thành phẩm	217.382	218.659	215.875	216.810
Hàng gửi đi bán	131	336	-	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(14.304)	(11.629)	(12.013)	(11.629)
	1.775.342	1.675.164	1.755.360	1.659.390

Bao gồm trong chi phí SXKD dở dang hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 có số tiền 9.091 triệu đồng (2007: 2.311 triệu đồng) là chi phí phát triển, gia súc được tập hợp cho đến khi gia súc trưởng thành và sau đó được chuyển thành tài sản cố định hữu hình.

Trong năm, Tập đoàn đã chuyển toàn bộ số gia súc, với tổng số tiền là 7.090 triệu đồng sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 7(a)).

Mẫu số B 09 – DN/HN

**7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**

**(a) Tài sản cố định hữu hình**

Hợp nhất	Nhà và vật kiến trúc Triệu đồng	Máy móc và thiết bị Triệu đồng	Gia súc Triệu đồng	Phương tiện vận tải Triệu đồng	Thiết bị văn phòng Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
<b>Nguyên giá</b>						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2008	345.319	1.368.470	17.147	159.357	73.542	1.963.835
Mua trong năm	630	22.693	415	44.122	13.263	81.123
Chuyển vào TSCĐ (Thuyết minh 7(c))	159.485	374.312	-	52.436	3.108	589.341
Chuyển vào TSCĐ (Thuyết minh 6)	-	-	7.090	-	-	7.090
Phân loại lại	63	(366)	-	156	147	-
Thanh lý	(340)	(17.716)	(3.206)	(968)	(521)	(22.751)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	505.157	1.747.393	21.446	255.103	89.539	2.618.638

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Mẫu số B 09 – DN/HN

Hợp nhất	Nhà và vật kiến trúc Triệu đồng	Máy móc và thiết bị Triệu đồng	Gia súc Triệu đồng	Phương tiện vận tải Triệu đồng	Thiết bị văn phòng Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
<b>Khấu hao lũy kế</b>						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2008	129.682	685.007	2.555	80.107	43.838	941.189
Trích khấu hao trong năm	19.990	114.040	3.629	14.252	16.027	167.938
Phân loại lại	(10.768)	10.764	-	5	(1)	-
Thanh lý	(40)	(17.578)	(708)	(868)	(482)	(19.676)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	138.864	792.233	5.476	93.496	59.382	1.089.451
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2008	215.637	683.463	14.592	79.250	29.704	1.022.646
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	366.293	955.160	15.970	161.607	30.157	1.529.187
Công ty	Nhà và vật kiến trúc Triệu đồng	Máy móc và thiết bị Triệu đồng	Phương tiện vận tải Triệu đồng	Thiết bị văn phòng Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng	
<b>Nguyên giá</b>						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2008	297.120	1.308.531	152.923	72.810	1.831.384	
Mua trong năm	402	22.088	43.582	13.047	79.119	
Chuyển vào TSCĐ (Thuyết minh 7(c))	158.040	374.312	52.402	3.108	587.862	
Phân loại lại	89	(89)	-	-	-	
Thanh lý	-	(17.716)	(855)	(521)	(19.092)	
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	455.651	1.687.126	248.052	88.444	2.479.273	
<b>Khấu hao lũy kế</b>						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2008	126.550	681.598	79.606	43.753	931.507	
Trích khấu hao trong năm	16.182	107.655	13.473	15.845	153.155	
Phân loại lại	(10.766)	10.767	-	(1)	-	
Giảm do thanh lý	-	(17.578)	(855)	(482)	(18.915)	
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	131.966	782.442	92.224	59.115	1.065.747	
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2008	170.570	626.933	73.317	29.057	899.877	
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	323.685	904.684	155.828	29.329	1.413.526	

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Mẫu số B 09 – DN/HN

**7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)**

**(a) Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, một số tài sản cố định với giá trị còn lại là 77.554 triệu đồng (2007: 86.722 triệu đồng) đã được thế chấp cho khoản vay dài hạn (Thuyết minh 10).

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 592.834 triệu đồng (2007: 592.159 triệu đồng).

**(b) Tài sản cố định vô hình**

Hợp nhất	Quyền sử dụng đất Triệu đồng	Phần mềm Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2008	19.900	18.871	38.771
Mua trong năm	-	8.353	8.353
Chuyển vào TSCĐ (Thuyết minh 7(c))	-	16.441	16.441
Tăng khác (*)	15.851	-	15.851
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	35.751	43.665	79.416
<b>Khấu hao lũy kế</b>			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2008	11.608	6.448	18.056
Trích khấu hao trong năm	-	10.492	10.492
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	11.608	16.940	28.548
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2008	8.292	12.423	20.715
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	24.143	26.725	50.868

(\*) Khoản tăng khác là quyền sử dụng đất góp bởi các cổ đông thiểu số của Công ty Cổ phần Bất động sản Chiến Thắng – Việt Nam.

Công ty	Quyền sử dụng đất Triệu đồng	Phần mềm Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2008	19.900	18.871	38.771
Mua trong năm	-	8.353	8.353
Chuyển vào TSCĐ (Thuyết minh 7(c))	-	16.441	16.441
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	19.900	43.665	63.565
<b>Khấu hao lũy kế</b>			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2008	11.608	6.448	18.056
Trích khấu hao trong năm	-	10.492	10.492

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Mẫu số B 09 – DN/HN

Công ty	Quyền sử dụng đất Triệu đồng	Phần mềm Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	11.608	16.940	28.548
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2008	8.292	12.423	20.715
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	8.292	26.725	35.017

Công ty ngừng trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không thời hạn kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2004 theo Quyết định 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài chính theo đó quy định quyền sử dụng đất được cấp không thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá và không trích khấu hao.

**(c) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Hợp nhất	Công ty			
	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng
Số dư đầu năm	598.308	316.178	598.307	316.178
Tăng trong năm	364.411	650.983	362.198	650.982
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(589.341)	(291.777)	(587.862)	(240.668)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(16.441)	(10.634)	(16.441)	(10.634)
Chuyển sang đầu tư vào công ty con	-	-	-	(51.109)
Chuyển sang hàng tồn kho	(15)	(2.908)	-	(2.908)
Thanh lý	(54)	(57.182)	-	(57.182)
Xóa sổ	-	(6.352)	-	(6.352)
Số dư cuối năm	356.868	598.308	356.202	598.307

Bao gồm trong chi phí xây dựng dở dang tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 có:

- (i). Dây chuyền sản xuất cà phê – 162.226 triệu đồng;
- (ii). Dàn máy A3 Speed cho Nhà máy sữa Sài Gòn – 49.586 triệu đồng;
- (iii). Tòa nhà văn phòng cho Chi nhánh Cần Thơ – 36.670 triệu đồng;
- (iv). Trang trại bò tại Tỉnh Nghệ An – 23.259 triệu đồng; và
- (v). Các thiết bị cho trại bò ở Tỉnh Nghệ An – 17.492 triệu đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Mẫu số B 09 – DN/HN

**8. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

**Quyền sử dụng đất**  
Triệu đồng

<b>Nguyên giá</b>	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2008	-
Mua trong năm	27.489
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	27.489
<b>Khấu hao lũy kế</b>	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2008	-
Trích khấu hao trong năm	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	-
Giá trị còn lại	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2008	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	27.489

**9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	<b>Hợp nhặt</b>		<b>Công ty</b>	
	<b>2008</b> Triệu đồng	<b>2007</b> Triệu đồng	<b>2008</b> Triệu đồng	<b>2007</b> Triệu đồng
Số dư đầu năm	195.613	117.296	195.613	117.296
Tăng trong năm	7.933	81.594	7.744	81.594
	203.546	198.890	203.357	198.890
Trừ: phân bổ trong vòng một năm	(8.034)	(3.277)	(8.019)	(3.277)
Số dư cuối năm	195.512	195.613	195.338	195.613

Số dư trên bao gồm 64.294 triệu đồng tiền đền bù giải phóng mặt bằng do thuê lại quyền sử dụng đất tại Khu Công nghiệp Mỹ Phước, được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn thuê bắt đầu từ tháng 1 năm 2005 đến tháng 6 năm 2052 và các khoản trả trước dài hạn liên quan đến việc thuê đất.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Mẫu số B 09 – DN/HN

**10. VAY DÀI HẠN**

	<b>Hợp nhặt</b>		<b>Công ty</b>	
	<b>2008</b> Triệu đồng	<b>2007</b> Triệu đồng	<b>2008</b> Triệu đồng	<b>2007</b> Triệu đồng
Vay hợp vốn	32.381	42.344	32.381	42.344
Trừ: Nợ dài hạn đến hạn trả	(9.963)	(9.963)	(9.963)	(9.963)
	22.418	32.381	22.418	32.381

Hợp đồng vay hợp vốn dài hạn ký với Quỹ Đầu tư Phát triển Đô thị Thành phố Hồ Chí Minh (40%) và Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (60%) để tài trợ cho dự án lắp đặt dây chuyền đóng hộp sữa đặc có đường tại nhà máy sữa Thống Nhất. Khoản vay được trả theo hàng quý trong vòng 5 năm bắt đầu từ ngày 1 tháng 4 năm 2007. Lãi suất vay được xác định bằng lãi suất bình quân tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng cộng với 2,4% một năm. Khoản vay được bảo đảm bằng Hợp đồng bảo hiểm đối với tài sản cố định hình thành từ vốn vay đang trong thời gian lắp đặt cho đến khi hoàn thành; khi hoàn thành các tài sản này sẽ được dùng làm tài sản thế chấp cho khoản vay.

**11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<b>Hợp nhặt</b>		<b>Công ty</b>	
	<b>2008</b> Triệu đồng	<b>2007</b> Triệu đồng	<b>2008</b> Triệu đồng	<b>2007</b> Triệu đồng
			Trình bày lại	Trình bày lại
Thuế GTGT hàng bán nội địa	6.781	4.350	6.750	4.247
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	6.087	17.299	6.087	17.299
Thuế xuất, nhập khẩu	2.341	9.606	2.341	9.606
Thuế thu nhập doanh nghiệp – hiện hành	35.527	-	35.527	-
Thuế thu nhập cá nhân	13.180	3.876	13.177	3.876
Các loại thuế khác	271	200	271	200
	64.187	35.331	64.153	35.228

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Mẫu số B 09 – DN/HN

**12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<b>Hợp nhất</b>		<b>Công ty</b>	
	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng
Khuyến mãi, hỗ trợ, thuồng bán hàng cho khách hàng	106.701	86.309	106.701	86.309
Chi phí quảng cáo	21.471	28.292	21.471	28.292
Chi phí vận chuyển	5.139	6.206	5.139	6.206
Chi phí bảo trì và sửa chữa	1.531	3.436	1.531	3.436
Chi phí phải trả khác	9.210	8.223	8.813	7.230
	144.052	132.466	143.655	131.473

**13. PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>Hợp nhất</b>		<b>Công ty</b>	
	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng
Phải nộp cho Nhà nước	515	24.205	478	24.205
Tiền nhận đặt cọc, ký quỹ	6.248	10.390	6.048	9.890
Thuế nhập khẩu phải trả	15.906	4.846	15.906	4.846
Khoản vay phải trả cho các cổ đông thiểu số của công ty con	31.235	-	-	-
Phải trả khác (*)	20.560	88.637	20.554	66.567
	74.464	128.078	42.986	105.508

(\*) Bao gồm trong khoản phải trả khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 có 60.786 triệu đồng là số tiền mà Công ty đã nhận từ một bên thứ ba cho việc chuyển nhượng cổ phiếu. Thủ tục chuyển nhượng liên quan đến những cổ phiếu này đã hoàn tất trong năm nay.

**14. PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP DÀI HẠN KHÁC**

Khoản phải trả dài hạn khác là số tiền mà Công ty đã nhận từ một bên thứ ba cho việc chuyển nhượng phần vốn góp đầu tư mà thủ tục chuyển nhượng chỉ được hoàn tất khi được đơn vị nhận đầu tư chấp thuận.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Mẫu số B 09 – DN/HN

**15. THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI**

Tài sản thuế thu nhập hoàn lại:

	<b>Hợp nhất</b>		<b>Công ty</b>	
	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng
Số dư đầu năm	8.017	-	8.017	-
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	39.259	8.017	39.259	8.017
Số dư cuối năm	47.276	8.017	47.276	8.017

Tài sản thuế thu nhập hoàn lại phát sinh từ các khoản trích trước và dự phòng và sẽ được thu hồi trong vòng 12 tháng.

**16. CƠ CẤU VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**

Chi tiết về cơ cấu vốn góp của chủ sở hữu của Công ty như sau:

	<b>Nhà nước</b>		<b>Nhà đầu tư trong nước</b>		<b>Nhà đầu tư Nước ngoài</b>		<b>Tổng công Số cổ phiếu (ngân cổ phân)</b>
	<b>Số cổ phiếu (ngân cổ phân)</b>	<b>Tỉ lệ năm giữ (%)</b>	<b>Số cổ phiếu (ngân cổ phân)</b>	<b>Tỉ lệ năm giữ (%)</b>	<b>Số cổ phiếu (ngân cổ phân)</b>	<b>Tỉ lệ năm giữ (%)</b>	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2007	79.520	50,01	16.736	10,53	62.744	39,46	159.000
Biến động trong năm	3.911	(2,41)	(3.117)	(2,76)	15.481	5,17	16.275
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007	83.431	47,60	13.619	7,77	78.225	44,63	175.275
Biến động trong năm	-	-	88	0,05	(88)	(0,05)	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	83.431	47,60	13.707	7,82	78.137	44,58	175.275

Mệnh giá của mỗi cổ phiếu là 10.000 đồng.

Bao gồm trong số các cổ phiếu do nhà đầu tư trong nước nắm giữ tại ngày 1 tháng 1 năm 2008 có 1.425.500 cổ phiếu được Công ty mua lại sau khi cổ phần hóa. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, các cổ phiếu này đã được bán hết cho nhân viên. Cổ tức nhận được của giai đoạn trước khi phân phối cổ phiếu cho nhân viên được chuyển vào quỹ khen thưởng và phúc lợi (Thuyết minh 17,18).

## 17. TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM GIÁM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

VINAMILK

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Hợp nhất	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ phúc lợi, khen thưởng	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2007	1.590.000	54.217	580.103	88.141	54.684	371.238	2.738.383
Vốn tăng trong năm	162.757	1.010.731	-	-	-	-	1.173.488
Lợi nhuận trong năm	-	-	164.437	48.172	96.345	(308.954)	963.448
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	(499.975)	(499.975)
Cổ tức đã công bố	-	-	-	-	1.364	-	1.364
Tổng khác	-	-	-	-	(60.771)	-	(60.771)
Chi thường cho công nhân viên	-	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007	1.752.757	1.064.948	744.540	136.313	91.622	525.757	4.315.937
Lợi nhuận trong năm	-	-	125.157	38.963	125.155	(289.275)	1.250.120
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	2.842	(683.575)	(680.733)
Cổ tức đã công bố	-	-	-	-	(123.421)	10	(123.411)
Chi thường cho công nhân viên	-	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	1.752.757	1.064.948	869.697	175.276	96.198	803.037	4.761.913

Mẫu số B 09 – DN/HN

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Công ty	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ phúc lợi, khen thưởng	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2007	1.590.000	54.217	580.103	88.141	54.684	371.238	2.738.383
Vốn tăng trong năm	162.757	1.010.731	-	-	-	-	1.173.488
Lợi nhuận trong năm	-	-	164.437	48.172	96.345	(308.954)	963.448
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	(499.975)	(499.975)
Cổ tức đã công bố	-	-	-	-	1.364	-	1.364
Tổng khác	-	-	-	-	(60.771)	-	(60.771)
Chi thường cho công nhân viên	-	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007	1.752.757	1.064.948	744.540	136.313	91.622	525.757	4.315.937
Lợi nhuận trong năm	-	-	125.157	38.963	125.155	(289.275)	-
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	2.842	(683.575)	(680.733)
Cổ tức đã công bố	-	-	-	-	(123.421)	10	(123.421)
Chi thường cho công nhân viên	-	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	1.752.757	1.064.948	869.697	175.276	96.198	804.461	4.763.337

Mẫu số B 09 – DN/HN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Mẫu số B 09 – DN/HN

## 18. CỔ TỨC

Trong năm 2008, Công ty chi trả cổ tức đợt cuối của năm 2007 và cổ tức giữa kỳ của năm 2008 lần lượt là 175.275 triệu đồng (1.000 đồng/cổ phiếu) và 508.300 triệu đồng (2.900 đồng/cổ phiếu), trong đó bao gồm 2.842 triệu đồng là cổ tức cho các cổ phiếu Công ty mua lại sau cổ phần hóa và bán lại cho nhân viên (Thuyết minh 16).

Cổ tức cuối cùng cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 sẽ được đề xuất trong Đại hội cổ đông của Công ty tổ chức trong năm 2009.

## 19. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông chia cho số lượng bình quân giá quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm:

	Hợp nhất		Công ty	
	2008	2007	2008	2007
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (Triệu đồng)	1.250.120	963.448	1.251.554	963.448
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (Ngân)	175.275	171.838	175.275	171.838
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (Đồng)	7.132	5.607	7.140	5.607

## 20. DOANH THU

### (a) Doanh thu thuần

	Hợp nhất		Công ty	
	2008	2007	2008	2007
Doanh thu				
Doanh thu bán sản phẩm	8.265.816	6.486.555	8.292.427	6.481.799
Doanh thu bán hàng hóa và nguyên vật liệu	103.657	173.315	103.657	180.696
Doanh thu dịch vụ	11.090	15.374	11.090	13.769
	8.380.563	6.675.244	8.407.174	6.676.264
Các khoản giảm trừ				
Chiết khấu thương mại	(141.199)	(132.121)	(141.199)	(132.121)
Hàng bán bị trả lại	(30.382)	(5.159)	(30.382)	(5.159)
	(171.581)	(137.280)	(171.581)	(137.280)
	8.208.982	6.537.964	8.235.593	6.538.984

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Mẫu số B 09 – DN/HN

### (b) Doanh thu từ hoạt động tài chính

	Hợp nhất		Công ty	
	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng
Lãi tiền gửi	60.270	86.251	59.261	86.055
Lãi bán cổ phiếu đầu tư	119.553	150.901	119.553	150.901
Lãi từ đầu tư trái phiếu	3.593	1.398	3.593	1.398
Thu nhập từ cổ tức, lợi nhuận được chia	29.890	9.650	29.890	9.650
Lãi do chênh lệch tỷ giá hối đoái	46.050	8.838	46.050	8.838
Các thu nhập tài chính khác	5.454	827	5.454	827
	264.810	257.865	263.801	257.669

## 21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Hợp nhất		Công ty	
	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng
Giá vốn của thành phẩm đã bán	5.502.594	4.738.573	5.535.235	4.732.257
Giá vốn của hàng hóa đã bán	88.489	89.981	88.489	97.425
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.445	6.397	1.445	6.397
Các khoản chi phí vượt mức bình thường	15.792	4.244	15.111	4.095
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.649	(2.912)	384	(2.912)
	5.610.969	4.836.283	5.640.664	4.837.262

## 22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Hợp nhất		Công ty	
	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng
Chi phí lãi vay	26.971	11.667	25.512	11.667
Lỗ do chênh lệch tỷ giá hối đoái	47.314	14.747	47.314	14.759
Lỗ do bán cổ phiếu đầu tư	516	690	516	690
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	122.820	(1.524)	199.863	33.224
Chi phí tài chính khác	-	282	-	266
	197.621	25.862	273.205	60.606

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Mẫu số B 09 – DN/HN

### 23. CHI PHÍ BÁN HÀNG

Những chỉ tiêu sau đây được đưa vào chi phí bán hàng:

	Hợp nhất		Công ty	
	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng
Chi phí nhân viên	95.978	56.442	95.978	56.360
Công cụ, dụng cụ	18.664	20.805	18.664	20.768
Chi phí vận chuyển	53.735	46.022	53.735	46.022
Chi phí quảng cáo	353.746	267.923	353.746	267.923
Chi phí khuyến mãi và hoa hồng	438.331	519.658	438.331	519.658

### 24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Những chỉ tiêu sau đây được đưa vào chi phí quản lý doanh nghiệp:

	Hợp nhất		Công ty	
	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng
Khấu hao tài sản cố định	31.173	26.041	30.251	25.340
Chi phí nhân viên	82.074	58.812	80.127	58.029
Công cụ, dụng cụ	10.919	4.963	10.790	4.844
Chi phí thuê	14.322	11.729	14.322	11.654
Dự phòng nợ khó đòi	349	16.594	349	16.594
Chi phí chuyên gia	27.148	1.891	26.698	1.696
Phí sửa chữa và bảo hành	14.690	6.156	14.690	6.156

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Mẫu số B 09 – DN/HN

### 25. THU NHẬP KHÁC

	Hợp nhất		Công ty	
	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng
Thu nhập khác				
Tiền thu do bán phế liệu phế phẩm	50.030	54.022	51.763	54.022
Thưởng từ nhà cung cấp	73.558	43.230	73.558	43.230
Tiền thu do bán/thanh lý TSCĐ	4.265	69.254	592	68.489
Hoàn nhập chi phí trích trước của năm trước không sử dụng hết	1.101	13.637	1.101	13.637
Thu nhập khác	7.948	17.347	7.756	17.190
	136.902	197.490	134.770	196.568
Chi phí khác				
Giá trị còn lại của TSCĐ đã bán/thanh lý	(3.300)	(73.515)	(178)	(71.857)
Chi phí khác	(3.429)	(3.185)	(2.740)	(2.938)
	(6.729)	(76.700)	(2.918)	(74.795)
Thu nhập khác – số thuần	130.173	120.790	131.852	121.773

### 26. THUẾ

#### (a) Nợ tiềm tàng liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm 2006 và 2007

Trong các năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2006 và 2007, Công ty đã kê khai là được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trên cơ sở cộng gấp hai mức ưu đãi: (1) miễn thuế TNDN trong hai năm 2004 và 2005 và giảm 50% thuế TNDN cho giai đoạn 3 năm tiếp theo là 2006, 2007 và 2008 do cổ phần hóa Công ty; và (2) được giảm thêm 50% thuế TNDN trong 2 năm sau khi niêm yết chứng khoán lần đầu trên sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") vào ngày 19 tháng 1 năm 2006. Việc cộng dồn hai mức thuế suất ưu đãi này đã được Tổng cục Thuế cho phép theo Công văn số 1591/TCT-CST ngày 4 tháng 5 năm 2006.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Mẫu số B 09 – DN/HN

**26. THUẾ (tiếp theo)**

**(a) Nợ tiềm tàng liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm 2006 và 2007 (tiếp theo)**

Trong năm 2008, Công ty nhận được những thông tin như sau:

- Vào ngày 22 tháng 5 năm 2008, Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh ("Cục thuế TP.HCM") thông báo rằng Công ty không được cộng gộp hai loại ưu đãi thuế liên quan đến việc niêm yết chứng khoán lần đầu trên HOSE và cổ phần hóa trong năm 2006 và 2007. Theo đó Công ty chỉ được giảm 50% số thuế phải nộp thay vì miễn thuế và Cục thuế TP.HCM đã yêu cầu Công ty phải kê khai và nộp khoản thuế TNDN của hai năm 2006 và 2007 là 225.803 triệu đồng (76.637 triệu đồng cho năm 2006 và 149.166 triệu đồng cho năm 2007).
- Vào ngày 25 tháng 7 năm 2008, Thanh tra Chính phủ, sau khi hoàn tất việc thanh tra tại Công ty, đã yêu cầu Công ty kê khai và nộp khoản thuế TNDN liên quan đến hai năm 2006 và 2007 vào ngân sách Nhà nước.
- Vào ngày 13 tháng 11 năm 2008, Văn phòng Thủ tướng Chính phủ ra Thông báo số 318/TB-VPCP theo đó xác nhận rằng các doanh nghiệp niêm yết chứng khoán lần đầu được giảm 50% thuế TNDN phải nộp trong thời gian 2 năm kể từ khi có chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán, tuy nhiên Thông báo trên không đề cập đến việc có cho phép doanh nghiệp được cộng gộp hai khoản ưu đãi thuế khác nhau hay không.

Sau khi kết thúc niên độ, vào ngày 20 tháng 3 năm 2009, Công ty nhận được từ Cục thuế TP.HCM một bản sao của Công điện số 31/TCT-VP ghi ngày 16 tháng 3 năm 2009 của Tổng Cục thuế gửi Cục thuế TP.HCM theo đó thông báo cho Cục thuế TP.HCM rằng Bộ Tài chính đã có công văn báo cáo Thủ tướng Chính phủ xin ý kiến chỉ đạo về việc miễn, giảm thuế TNDN đối với các doanh nghiệp niêm yết chứng khoán lần đầu. Tổng Cục thuế yêu cầu Cục thuế TP.HCM không thực hiện việc thông báo hoặc tạm thu thuế TNDN đối với các doanh nghiệp niêm yết chứng khoán neu trên trong khi chờ quyết định cuối cùng của Thủ tướng Chính phủ.

Với các thông tin nêu trên và theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 – Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng, Ban Tổng Giám đốc cho rằng có sự không chắc chắn về kết quả cuối cùng của vấn đề này, do đó Công ty không ghi nhận khoản dự phòng thuế TNDN của các năm 2006 và 2007 với số tiền là 225.803 triệu đồng vào các báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng.

**(b) Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với thuế suất 15% đến 28% trên lợi nhuận chịu thuế, tùy theo địa điểm hoạt động của các nhà máy. Trong niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008, Công ty được hưởng ưu đãi giảm 50% mức thuế suất do cổ phần hóa.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Mẫu số B 09 – DN/HN

**(i). Chi phí thuế TNDN hiện hành**

	Hợp nhất		Công ty	
	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	161.874	-	161.874	-

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho niên độ được tính dựa vào thu nhập chịu thuế ước tính và tùy thuộc vào sự kiểm tra và có thể có những điều chỉnh của cơ quan thuế.

**(ii). Chi phí thuế TNDN hoãn lại**

	Hợp nhất		Công ty	
	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	884	137	884	137
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	8.154	-	8.154	-
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch hoãn lại được khấu trừ	(48.160)	(8.154)	(48.160)	(8.154)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(137)	-	(137)	-
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại – số thuần	(39.259)	(8.017)	(39.259)	(8.017)

**27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Cổ đông lớn nhất của Công ty là Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước ("SCIC"), sở hữu 47,6% vốn điều lệ của Công ty. SCIC được kiểm soát bởi Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam.

**(a) Nghiệp vụ và số dư cuối với SCIC**

	Hợp nhất		Công ty	
	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng
Nghiệp vụ				
Chi trả cổ tức	325.831	238.162	325.831	238.162

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Mẫu số B 09 – DN/HN

**27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

**(b) Nghiệp vụ và số dư với SABMiller - công ty liên doanh**

	Hợp nhất		Công ty	
	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng
Nghiệp vụ				
Doanh thu bán tài sản cho SABMiller	-	57.182	-	57.182
Cho SABMiller vay (Thuyết minh 4(a)(ii))	-	80.926	-	80.926

	Hợp nhất		Công ty	
	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng
Số dư				
Cho SABMiller vay (Thuyết minh 4(a)(ii))	207.968	197.397	207.968	197.397

	Hợp nhất		Công ty	
	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng
Nghiệp vụ				
Mua hàng hóa	114.628	100.691	114.628	100.691

	Hợp nhất		Công ty	
	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng
Số dư				
Phải trả	8.318	11.724	8.318	11.724

**(d) Các khoản chi cho các chức trách quản lý chủ chốt:**

	Hợp nhất		Công ty	
	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng
Lương và các quyền lợi gộp khác	33.401	13.918	33.401	13.918

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Mẫu số B 09 – DN/HN

Cho mục đích công bố thông tin về các bên liên quan, các chức trách quản lý chủ chốt bao gồm các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị.

**28. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, Công ty báo cáo hoạt động theo hai bộ phận kinh doanh: nội địa và xuất khẩu. Công ty phân tích doanh thu và giá vốn theo bộ phận.

Kết quả kinh doanh hợp nhất theo bộ phận trong niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008:

	Nội địa Triệu đồng	Xuất khẩu Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Doanh thu	6.993.223	1.215.759	8.208.982
Giá vốn hàng bán	4.727.145	883.824	5.610.969
Lợi nhuận gộp	2.266.078	331.935	2.598.013

Kết quả kinh doanh hợp nhất theo bộ phận trong niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007:

	Nội địa Triệu đồng	Xuất khẩu Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Doanh thu	5.861.243	676.721	6.537.964
Giá vốn hàng bán	4.271.536	564.747	4.836.383
Lợi nhuận gộp	1.589.707	111.974	1.701.681

**29. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang, Công ty phải trả mức tối thiểu trong tương lai như sau:

	Hợp nhất		Công ty	
	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng
Dưới 1 năm	2.295	2.161	1.931	1.842
Từ 1 đến 5 năm	9.230	8.671	7.728	7.370
Trên 5 năm	76.384	73.464	63.616	62.229
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	87.909	84.296	73.275	71.441

Cam kết thuê hoạt động liên quan đến các hợp đồng thuê đất và văn phòng cho các nhà máy và chi nhánh của Tập đoàn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Mẫu số B 09 – DN/HN

### 30. CAM KẾT VỐN

Các cam kết về chi tiêu tạo lập tài sản cố định đã ký hợp đồng tại ngày lập bảng cân đối kế toán nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính như sau:

	Hợp nhất		Công ty	
	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng	2008 Triệu đồng	2007 Triệu đồng
Nhà xưởng, máy móc và thiết bị	216.343	80.730	216.343	80.730

### 31. CÁC CAM KẾT KHÁC

- (i). Theo các điều khoản trong Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh ký với Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 (FICO) và Công ty Cổ phần Tài trợ Địa ốc R.C. (Refico) để xây dựng Dự án Căn hộ Horizon, Công ty cam kết sẽ góp 24,5% trong tổng vốn đầu tư dự tính là 285.000 triệu đồng, tương đương 69.825 triệu đồng. Việc góp vốn này sẽ được đóng góp theo tiến độ thi công của dự án. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, Công ty đã góp vốn được 7.493 triệu đồng (Thuyết minh 4(b)(ii)).
- (ii). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, Công ty có ký một hợp đồng tương lai để mua ngoại tệ với một ngân hàng tại Việt Nam theo đó Công ty sẽ mua 5 triệu đô la Mỹ với giá mua là 86.420 triệu đồng tại ngày 19 tháng 1 năm 2009. Tại ngày của báo cáo tài chính được duyệt hợp đồng này đã được thực hiện xong.

### 32. TÀI SẢN TIỀM TẶNG

Theo hợp đồng thuê đất số 10/2005/CTHT/HĐKT ngày 19 tháng 5 năm 2005 ký giữa Công ty với Công ty Đầu tư Phát triển Hạ tầng tỉnh Bắc Ninh và theo Công văn số 550/KTTH-CT ngày 18 tháng 5 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bắc Ninh thì Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bắc Ninh cam kết hỗ trợ Công ty về tiền thuê đất. Theo Công văn số 324/TTr-LN ngày 15 tháng 12 năm 2008 Liên ngành Tài Chính – Ban Quản lý các Khu Công nghiệp đề nghị Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bắc Ninh hỗ trợ Công ty một khoản là 15.746 triệu đồng. Tuy nhiên khoản hỗ trợ này vẫn chưa được Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bắc Ninh xác nhận tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008.

### 33. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ

Vào ngày 17 tháng 2 năm 2009, Công ty đã ký một Hợp đồng Chuyển nhượng Vốn với SABMiller Asia, theo đó Công ty sẽ chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp vào Công ty Liên doanh SABMiller Việt Nam với giá 8.250.000 đô la Mỹ. Ngoài ra, Công ty Liên doanh SABMiller Việt Nam sẽ hoàn trả Công ty khoản vay 12.250.000 đô la Mỹ. Cho đến ngày các báo cáo tài chính này được phê chuẩn, việc chuyển nhượng đã được hoàn tất.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Mẫu số B 09 – DN/HN

### 34. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số thông tin mang tính so sánh của năm trước được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày báo cáo tài chính năm nay. Việc phân loại lại không ảnh hưởng đến thu nhập thuần của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007.

Báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng đã được Ban Tổng Giám đốc duyệt ngày 23 tháng 3 năm 2009.

Lê Thành Liêm  
Kế toán trưởng



Mai Kiều Liên  
Tổng Giám đốc